

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/DS-ST

Ngày: 30-9-2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyên Vy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Huỳnh Sinh

2. Ông Trần Hoàng Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Minh Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang-Tháp Chàm xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2021/TLST-KDTM ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT.

Địa chỉ: Số 266 – 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Z, quận Y, thành phố HCM

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Đức Kh– Trưởng phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng TMCP SGTT, chi nhánh NT – Là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số: 1911/2020/GUQ-PL ngày 26/6/2020 và 113 ngày 27/10/2020). (Có mặt)

Bị đơn: Ông Trần Thanh Tr, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Khu phố 3, phường VH, thành phố PRTC, NT.(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 10 năm 2020, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn - ông Phạm Đức Kh trình bày:

Ngày 14/04/2016, ông Trần Thanh Tr có ký với Ngân hàng TMCP SGTT (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Trần Thanh Tr, Ngân hàng đã đồng ý cấp Thẻ tín dụng số thẻ 356480 – 4708 với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*), mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất trong hạn 2.5%/tháng, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất cho vay điều chỉnh theo từng thời kỳ của Ngân hàng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông Trần Thanh Tr phải chịu các khoản phí theo quy định tại Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ sử dụng thẻ tín dụng.

Từ ngày được kích hoạt thẻ cho đến nay, ông Trần Thanh Tr đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 30.546.945 đồng, đồng thời ông Tr đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 32.647.000 đồng. Thứ tự ưu tiên thanh toán được áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Chi tiết các lần giao dịch, thanh toán, các khoản phí và lãi được tóm tắt trong sao kê ngày 30/9/2021.

Do ông Trần Thanh Tr vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 30/6/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu 10.458.089 đồng sang nợ gốc quá hạn và tính lãi quá hạn kể từ ngày 01/7/2019, lãi suất nợ quá hạn 3,75%/tháng (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc quá hạn(dư nợ thẻ) từng kỳ với lãi suất quá hạn là 3.75%/ tháng, tương đương 0,125%/ngày; số ngày tính lãi suất quá hạn từ ngày 01/7/2019 cho đến 30/9/2021 là 823 ngày.

Tính đến ngày 30/09/2021, ông Tr còn nợ các khoản tổng cộng là 21.217.168 đồng, trong đó: gốc 10.458.089 đồng, lãi quá hạn 10.759.079 đồng - làm tròn 10.759.000 đồng (chi tiết lãi quá hạn, dư nợ trong sao kê tóm tắt đính kèm).

Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông Tr không có thiện chí trả nợ. Do đó, Ngân hàng khởi kiện ra Tòa án, yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Trần Thanh Tr phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT tính đến ngày 30/9/2021 số tiền là 21.217.089 đồng, trong đó: gốc 10.458.089 đồng, lãi quá hạn 10.759.000 đồng và khoản tiền lãi phát sinh kể từ

ngày 01/10/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Bị đơn ông Trần Thanh Tr đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không đến Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng(nguyên đơn) đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Thanh Tr là đúng theo quy định của pháp luật. Về yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp trong vụ án: Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT(gọi tắt Ngân hàng) với ông Trần Thanh Tr với mục đích vay tiêu dùng, bên vay vốn là cá nhân không có mục đích lợi nhuận, vì vậy xác định đây là quan hệ pháp luật dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn có địa chỉ tại Khu phố 3, phường VH, thành phố PRTC. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và kèm theo Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT(gọi tắt Hợp đồng tín dụng) được ký giữa Ngân hàng với ông Tr, có ghi đầy đủ, đúng địa chỉ hộ khẩu thường trú của ông Tr tại Văn Sơn, phường Văn Hải, TP.; qua xác minh cho thấy ông Trần Thanh Tr có hộ khẩu thường trú tại khu phố 3, phường Văn Hải, TP. PRTC và chị ruột ông Tr – bà Trần Huỳnh Thị Thanh T cho biết vợ chồng ông Tr đã bỏ địa phương đi từ năm 2019 cho đến nay, không biết địa chỉ hiện nay của ông Tr; do ông Tr không thông báo cho Ngân hàng biết về địa chỉ hiện nay của ông, vì vậy Ngân hàng không cung cấp được địa chỉ của bị đơn. Điều này chứng tỏ ông Tr cố ý giấu địa chỉ hiện nay của ông. Do đó, Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Tr theo địa chỉ Khu phố 3, phường Văn Hải, TP. PRTC nhưng ông Tr không đến Tòa làm việc và vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, cùng với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Thanh Tr vắng mặt nên không có lời khai, tuy nhiên căn cứ vào Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký và các giấy tờ liên quan được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT và ông Trần Thanh Tr cùng với số tiền đã thanh toán của ông Tr đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở để xác định ngày 14/04/2016 giữa ông Trần Thanh Tr và Ngân hàng TMCP SGTT có ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng có hiệu lực ngày 21/9/2015. Ngân hàng đã đồng ý cấp Thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) cho ông Trần Thanh Tr, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Trần Thanh Tr đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 30.546.945 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 32.647.000 đồng. Do thanh toán trong giai đoạn dư nợ trong hạn nên số tiền đã trả 32.647.000 đồng được ưu tiên thanh toán theo thứ tự trừ đi các phí 1.879.776 đồng, trừ lãi trong hạn 10.678.368 đồng, trừ gốc (số tiền giao dịch) 20.088.856 đồng. Tính đến 30/6/2021, số dư gốc còn lại là 10.458.089 đồng. Do ông Tr vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên từ ngày 30/6/2019 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ 10.458.089 đồng sang nợ quá hạn và tính lãi quá hạn. Số ngày tính lãi quá hạn kể từ ngày 01/7/2019 đến ngày 30/9/2021 là 823 ngày, lãi suất 0,125%/ngày, tiền lãi quá hạn là 10.758.759 đồng (làm tròn 10.759.000 đồng).

Xét thấy, về thu các loại phí; mức lãi suất và cách tính lãi của Ngân hàng trên tổng số dư nợ thẻ trong hạn và quá hạn là sự thỏa thuận, thống nhất giữa các bên được thể hiện tại các Điều 22, 23 của Hợp đồng tín dụng, phù hợp với: Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng, Thông tư 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Công văn số 318/NTH ngày 24/8/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, chi nhánh tỉnh Ninh Thuận. Do đó, phía Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Thanh Tr phải trả tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 30/9/2021 là 21.217.089 đồng, trong đó: gốc 10.458.089 đồng và lãi quá hạn 10.759.000 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 01/10/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ vay theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn không phải chịu án phí và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 262 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 280, 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT, buộc ông Trần Thanh Tr phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT số tiền còn nợ là 21.217.089 đồng (Hai mươi một triệu hai trăm mười bảy ngàn không trăm tám mươi chín đồng), trong đó: gốc 10.458.089 đồng và lãi quá hạn 10.759.000 đồng.

2. Kể từ ngày 01/10/2021 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận (tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 14/4/2016 kèm theo Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín có hiệu lực ngày 21/9/2015) cho đến khi trả hết nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí: Ông Trần Thanh Tr phải chịu 1.061.000 đồng(Một triệu không trăm sáu mươi một ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT số tiền 417.000 đồng (Bốn trăm mười bảy ngàn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm theo biên lai thu số: 0023140 ngày 17 tháng 12 năm 2020.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện hợp pháp của Nguyên đơn, quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật

thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPPRTC;
- CCTHADS TP.PR-TC;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Nguyên Vy

[2.1] Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số R561/01/2017/HĐTD ngày 13/3/2017, bảng kê rút vốn (nhận nợ vay) ngày 13-3-2013, HĐXX thấy rằng các giấy tờ trên đều có chữ ký của ông Lê Thành Đạo. Hơn nữa ông Đạo đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản trả lời, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án xem như tự từ bỏ quyền lợi của mình. Căn cứ vào các chứng cứ trên, đủ cơ sở để xác định: ngày 13-3-2013 ông Lê Thành Đạo có vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Ninh Thuận 85.000.000 đồng và đã nhận đủ tiền, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất vay 10%/năm, trả nợ hàng tháng 1.815.000 đồng (trả gốc và lãi). Ông Đạo đã trả nợ gốc là 13.560.636 đồng tiền gốc và 10.034.364 đồng tiền lãi. Sau đó ông Đạo không trả nữa. Do ông Đạo vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Do vậy việc Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Lê Thành Đạo phải trả 71.439.364 đồng tiền gốc và đồng tiền lãi, tổng cộng là ... đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 19-11-2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số R561/01/2017/HĐTD ngày 13/3/2017 là có căn cứ, phù hợp các điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự.

[2.2] Biện pháp bảo đảm cho khoản tín dụng trên là thế chấp tài sản của ông Bùi Văn Hát và bà Nguyễn Thị Diệu. Căn cứ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số

2132/HĐTC ngày 11 tháng 12 năm 2012 thì tài sản thế chấp là thửa đất số 793 tờ bản đồ số 4 phường Đông Hải và toàn bộ nhà ở gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 658537 do UBND thành phố Phan Rang – Tháp Chàm cấp ngày 13/7/2009. HĐXX thấy rằng nội dung hợp đồng thế chấp phù hợp với quy định của pháp luật, hợp đồng có chữ ký của ông Hát và bà Diệu, hơn nữa hợp đồng đã được công chứng và đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên căn cứ vào các điều 317, 319, 320 Bộ luật dân sự thì việc Ngân hàng yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp trên, yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp trong trường hợp Bị đơn không trả nợ được chấp nhận.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS TP. PR-TC;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Minh Nghị

**Các Hội thẩm nhân dân
toà**

Thẩm phán- Chủ Toạ phiên

Bùi Tấn Việt

Lê Khắc Bích

Trần Thị Minh Nghị

